

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 4 - 2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Kim Giang;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Bà Trần Thị Kim Chuyên

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà:**  
Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 390/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tô Thị H, sinh năm 1989;

Nơi ĐKKHTT: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn V, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

+ Bà Trần Thị T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Khu dân cư K, phường V, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Bùi Văn T, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh V, ông T có mặt; bà T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2020, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Tô Thị H trình bày: Chị và anh V đăng ký kết hôn ngày 16/9/2011 tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C (nay thành phố C) trên cơ sở tự

nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh V tại khu dân cư C, phường C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường. Sau khi chị sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp, thường hay bất đồng quan điểm và thỉnh thoảng có xảy ra xô xát. Sau khi chị sinh con thứ 3 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Anh V có lời lẽ xúc phạm, coi thường và đánh chị. Đến tháng 11/2020, do không chịu đựng được nữa nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở khu dân cư K, phường V. Anh V và gia đình anh V cũng không quan tâm và bảo chị về. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể đoàn tụ được, do vậy, chị giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Quang A, sinh ngày 21/6/2012, Bùi Quang L, sinh ngày 03/3/2014 và Bùi Hữu P, sinh ngày 26/6/2018. Cháu L đã mất vào ngày 16/6/2014 nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại, cháu A đang ở với chị, cháu P đang ở với anh V. Khi ly hôn chị cũng mong muốn được nuôi dưỡng cả 02 con, nhưng do điều kiện hiện tại đang làm công nhân may, lương bình quân hàng tháng là 6.000.000đ, chị chỉ có khả năng chăm sóc tốt cho 01 con. Cháu P còn nhỏ và yếu nên chị đề nghị Tòa án giao cháu P cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu A cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 13/01/2021 và ý kiến tại các buổi làm việc, bị đơn - anh Bùi Văn V trình bày thống nhất nội dung về thời gian, điều kiện kết hôn như lời khai của chị H. Anh V thừa nhận thời gian gần đây vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, do chị H không chia sẻ công việc với anh, lại hay cãi lời anh nói. Anh không làm chủ được bản thân nên có tát chị H một cái. Tháng 11/2020, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ và không quay về nhà anh nữa. Do bận công việc nên anh chưa đến nói chuyện với chị H được. Nay chị H xin ly hôn, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chỉ là mâu thuẫn nhỏ, anh thương các con còn nhỏ và không ảnh hưởng đến các con nên anh không đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh V xác định vợ chồng có 03 con chung như chị H trình bày. Cháu L đã mất vào ngày 16/6/2014 nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu A hiện tại đang do chị H nuôi dưỡng. Cháu P đang do anh nuôi dưỡng. Bản thân anh cũng muốn nuôi cả 02 con, nhưng chị H muốn nuôi cháu P và giao cháu A cho anh nuôi dưỡng, anh cũng nhất trí theo nguyện vọng của chị H. Vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con với nhau. Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 12/03/2021, cháu Bùi Quang A trình bày có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

- Tại Biên bản ghi lời khai ngày 12/3/2021, bà Trần Thị T là mẹ chị Tô Thị H trình bày xác định: Vợ chồng chị H và anh V mâu thuẫn từ cách đây vài năm do anh V hay đánh chửi chị H. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng anh V không thay đổi. Khoảng tháng 10/2020, anh V tiếp tục đánh, chửi chị H, do vậy, bà đã đưa chị H

về nhà bà ở khu dân cư K, phường V ở. Từ đó đến nay, anh V và gia đình anh V cũng không sang bảo chị H quay về. Vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của bà là tùy chị H quyết định. Về con chung: Theo bà nên giao cho chị H và anh V mỗi người nuôi 01 con chung sẽ hợp lý hơn. Do cháu P còn nhỏ và yếu nên theo bà nên giao cháu P cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Tại biên bản xác minh với trưởng khu dân cư C, phường C xác định: Cuối năm 2020, chị H và anh V không chung sống cùng nhau. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở K, V sống. Mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng, địa phương không nắm được. Nay chị H xin ly hôn, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: hiện tại, vợ chồng có 02 con chung. Nếu ly hôn, việc nuôi con thế nào đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của vợ chồng và các con để giải quyết theo quy định pháp luật. Hiện tại, anh V làm nghề điện nước và lái xe taxi. Đủ khả năng về kinh tế để nuôi dưỡng con.

Tại phiên toà:

Chị H giữ nguyên quan điểm như trình bày nêu trên.

Anh V thay đổi ý kiến, xác định chị H cứ cương quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận. Anh V cũng đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

Ông Bùi Văn T - Bố đẻ anh V xác định: Quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh V có mâu thuẫn, nhưng chị H không nói gì với ông. Ông hỏi chị H cũng chỉ yên lặng và không nói gì. Sau đó, chị H tự bỏ về nhà mẹ đẻ. Phía gia đình chị H sau đó cũng cứ tác động để vợ chồng bỏ nhau. Nay, chị H cương quyết đòi ly hôn anh V, quan điểm của ông là đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Quan điểm của ông đề nghị Tòa án xem xét điều kiện của các bên để giao con cho phù hợp. Nếu anh V được nuôi con, ông và gia đình sẽ tạo mọi điều kiện để hỗ trợ anh V chăm sóc tốt cho con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tô Thị H được ly hôn anh Bùi Văn V. Về con chung: Xử: Giao con chung Bùi Quang A, sinh ngày 21/6/2012 cho anh Bùi Văn V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; Giao con chung Bùi Hữu P, sinh ngày 26/6/2018 cho chị Tô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Về quan hệ tài sản chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Bùi Văn V đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Chị Tô Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Văn V và giải quyết về việc nuôi con chung. Do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị H và anh Bùi Văn V kết hôn với nhau ngày 16/9/2011 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C. Do vậy, hôn nhân của chị H, anh V là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, thường hay bất đồng, dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, xô xát. Từ tháng 11/2020 chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở khu dân cư K, phường V ở. Vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Mặc dù, anh V có quan điểm không muốn ly hôn vì con còn nhỏ, nhưng bản thân anh V cũng không có biện pháp và hành động thể hiện mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị H, anh V không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình, cũng không sống chung với nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn anh V.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Bùi Quang A, sinh ngày 21/6/2012, Bùi Quang L, sinh ngày 03/3/2014 và Bùi Hữu P, sinh ngày 26/6/2018. Cháu L đã mất vào ngày 16/6/2014 nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Anh V có quan điểm xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung; chị H đề nghị được nuôi cháu P và giao cho anh V nuôi cháu Quang A. Mặc dù, cháu P mong muốn ở với mẹ, nhưng xét điều kiện hoàn cảnh của chị H không đủ khả năng để nuôi dưỡng tốt cho cả 02 con. Hơn nữa, cháu Quang A chưa đủ 36 tháng tuổi, ở với mẹ sẽ đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cháu hơn. Vì vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận ý kiến của chị H giao con chung Bùi Hữu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; Giao con chung Bùi Quang A cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H, anh V không phải

cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Chị H, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị H, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tô Thị H được ly hôn anh Bùi Văn V.

2. Về con chung: Xử:

Giao con chung Bùi Quang A, sinh ngày 21/6/2012 cho anh Bùi Văn V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; Giao con chung Bùi Hữu P, sinh ngày 26/6/2018 cho chị Tô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Chị H, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị H, anh V thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Tô Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0006744 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường C (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Kim Giang**

